

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Ông Lê Hữu Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 615/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1973 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Đường ĐT 743, tổ 5, ấp KĐ, xã AĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông T, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường ĐT 743, tổ 5, ấp KĐ, xã AĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:

Bà H và ông T (tên gọi khác là Trần T) tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994, có tổ chức đám cưới tại thủ đô Phnom Penh (Vương quốc Campuchia). Đến năm 2004, bà và ông T về Việt Nam sinh sống cho đến nay.

Bà và ông T có đăng ký kết hôn tại UBND Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20/12/2004.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng không thể hàn gắn được. Ông T có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T vẫn không thay đổi.

Vì tình cảm với ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H không thể tiếp tục chung sống với ông T được nữa, nên bà H có yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà và ông T chung sống với nhau có 03 người con chung là Trần Thị Thu H1, sinh năm 1996, Trần Thị Tuyết H2, sinh năm 2000 và Trần Việt H3, sinh năm 2001. Do các con đã trưởng thành nên bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình tố tụng, bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông T vắng mặt không có lý do chính đáng và không có ý kiến trình bày trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Kiểm sát viên đại diện VKSND thị xã Bến Cát phát biểu quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã triệu tập hợp lệ lần hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

- Về nội dung vụ án:

- + Về quan hệ hôn nhân: Xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn là có căn cứ chấp nhận.

- + Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- + Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp về vấn đề ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn đã có ý kiến trình bày đầy đủ và đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân, bà H và ông T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20/12/2004 là hôn nhân hợp pháp.

Phía nguyên đơn trong quá trình tố tụng xác định không còn tình cảm với bị đơn và vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Xét phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án, điều đó cho thấy bị đơn không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hàn gắn tình cảm với nguyên đơn, không còn quan tâm chăm sóc nhau theo đúng nghĩa vợ chồng.

Xét mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên việc bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận.

Xét các con chung đã trưởng thành, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, quá trình tố tụng các đương sự không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đúng quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 35, 39, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H với bị đơn Ông T về việc: “Tranh chấp ly hôn” như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H được ly hôn với bị đơn Ông T.

- Về con chung: Đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng theo Biên lai số 0047826 ngày 09/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thắm

Lê Hữu Tấn

Vũ Phước Thành

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Vũ Phước Thành**